

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013

MỤC 1. XÁC ĐỊNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT

1.1. Tên sản phẩm

- Tên sản phẩm : Tilt Super 300EC
- Mã thiết kế : A9100D

1.2. Sử dụng có liên quan xác định các chất hoặc hỗn hợp và sử dụng nên chống lại

Công dụng : Thuốc trừ bệnh

1.3. Thông tin chi tiết của nhà cung cấp về bảng dữ liệu an toàn

Công ty : Công ty Syngenta Thụy Sĩ
Postfach, CH-4002 Basel, Thụy Sĩ

Điện thoại : +41 61 323 11 11

Telefax : +41 61 323 12 12

Địa chỉ E-mail : sds.ch @ syngenta.com

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Điện thoại khẩn cấp số: +44 1484 538444

MỤC 2. XÁC ĐỊNH MỐI NGUY

2.1. Phân loại các chất hoặc hỗn hợp

- Phân loại theo Quy chế (EU) 1272/2008

Tiềm ẩn nguy hiểm	Nhóm 1	H304
Kích ứng mắt	Nhóm 2	H319
Nhiễm độc bộ phận đối tượng cụ thể	Nhóm 3	H335
Thủy sản nhiễm độc cấp tính	Nhóm 1	H400
Thủy sản nhiễm độc mãn tính	Nhóm 1	H410

Đối với các văn bản đầy đủ của loại “H” nêu tại mục này, xem Mục 16.

- Phân loại theo Chỉ thị EU 67/548/EEC hoặc 1999/45/EC

Xi, gây dị ứng.

N, nguy hiểm cho môi trường

R36/37 Dị ứng cho mắt và hô hấp.

R50/53 Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác dụng phụ lâu dài trong môi trường nước.

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013

2.2. Yếu tố qui định về nhãn

- Ghi nhãn: Quy định (EC) số 1272/2008

Biểu tượng cảnh báo



Tín hiệu từ : Cảnh báo

Cảnh báo môi nguy hiểm : H304
đường hô hấp.

Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào

H319

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H335

Gây kích ứng cho đường hô hấp

H410

Rất độc cho đời sống thủy sinh với các ảnh hưởng

lâu dài.

Cảnh báo đề phòng

: P102

Tránh xa khỏi tầm với của trẻ em.

P270

Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng sản phẩm.

P280

Mang găng tay, đeo mặt nạ và mặc quần áo bảo hộ

P301+P310

Nếu nuốt phải: ngay lập tức gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ/dược sĩ.

P304+340

Nếu hít phải: chuyển nạn nhân ra không khí trong lành và giữ nghỉ ngơi trong tư thế thoải mái để thở.

P331

Không gây nôn.

P305+351+P338

Nếu dính vào mắt: thận trọng rửa sạch với nước trong nhiều phút. Loại bỏ kính áp tròng nếu được. Tiếp tục rửa.

P391

Thu dọn khi chảy tràn.

P501

các thùng chứa chất thải được đưa tới nhà máy có chức năng xử lý chất thải.

Bổ sung thông tin

EUH401

Để tránh rủi ro cho sức khỏe con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn sử dụng.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

- Dung môi dầu mỏ (xăng ,dầu), arom cao.

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013

Ghi nhãn: Chỉ thị EU 67/548/EEC hoặc 1999/45/EC

Biểu tượng (s):



Có hại

Nguy hiểm cho môi trường

Cụm từ R	R36/37	Kích ứng cho mắt và hệ hô hấp
	R50/53	Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động bất lợi trong môi trường nước lâu dài.
Cụm từ -S	S 2	Để xa tầm tay trẻ em.
	S13	Tránh xa thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho động vật.
	S20/21	Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khi sử dụng.
	S35	nguyên liệu và vật chất chứa nó cần phải được xử lý một cách an toàn.
	S57	sử dụng vật chứa thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.
Thêm vào nhãn	:	Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn khi sử dụng.

2.3. Các mối nguy hiểm khác: chưa biết.

MỤC 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Hỗn hợp

Thành phần nguy hại:

Tên hóa học	CAS-No. EC-No. Số đăng ký	Phân loại (67/548/EEC)	Phân loại (Quy chế (EC) số 1272/2008)	Độ đậm đặc
propiconazole	60207-90-1 262-104-4	Xn, N R22 R43 R50/53	Acute Tox.4; H302 Skin Sens.1; H317 Thủy sản Acute1; H400 Thủy sản Chronic1; H410	13.9% W/W

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013

difenoconazole	119446-68-3	Xn , N R22 R50/53	Acute Tox.4; H302 Thủy sản Acute1; H400 Thủy sản Chronic1; H410	13.9% W/W
----------------	-------------	-------------------------	-----------------------------------------------------------------------	-----------

Giới hạn phơi nhiễm hóa chất ở nơi làm việc

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - R nêu tại mục này, xem Mục 16.

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - H nêu tại mục này, xem Mục 16.

MỤC 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU**4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu**

- Lời khuyên chung : Đem theo bao bì chứa sản phẩm , nhãn hoặc tờ thông tin an toàn sản phẩm khi bạn gọi đến số điện thoại khẩn cấp của Syngenta, trung tâm kiểm soát ngộ độc hoặc đến chữa trị.
- Hít phải : Mang người bị nạn đặt ở nơi thoáng khí. Nếu khó thở hoặc ngưng thở thì phải tiến hành hô hấp nhân tạo. Giữ ấm cho nạn nhân và nghỉ ngơi. Lập tức gọi bác sỹ hoặc trung tâm kiểm soát ngộ độc
- Tiếp xúc với da : Cởi bỏ áo quần bị dính thuốc ngay lập tức. Rửa chỗ bị dính thuốc bằng nhiều nước sạch. Nếu da bị sưng tấy, rát, gọi cho bác sĩ. Giặt áo quần bị dính thuốc thật sạch trước khi dùng lại.
- Tiếp xúc với mắt : Lập tức rửa mắt bị dính thuốc bằng thật nhiều nước sạch, ngay cả bên dưới mí mắt ít nhất trong 15 phút. Loại bỏ kính sát trùng. Chữa trị y khoa ngay khi có yêu cầu
- Nuốt phải : Nếu nuốt phải, lập tức tìm hướng dẫn chữa trị y khoa ngay trên nhãn chai.
Không được nôn: sản phẩm có dầu chung cất và/ hoặc dung môi hương liệu.

4.2. Triệu chứng quan trọng nhất và hiệu ứng, gồm cấp tính và lâu dài

- Triệu chứng : có nguy cơ gây ra phù phổi và viêm phổi.

4.3. Chỉ định y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

- Tư vấn y tế : không có cách chữa trị cụ thể
Điều trị theo triệu chứng.

MỤC 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**5.1 Phương tiện chữa cháy**

- Đối với đám cháy nhỏ: Sử dụng bình phun nước, bột chống cồn, hóa chất khô hoặc khí CO₂.
- Đối với đám cháy lớn: Sử dụng xốp chống cồn hoặc Phun nước

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013



Không dùng vòi nước xịt trực tiếp vào đám cháy để tránh làm phát tán và gây cháy lan.

5.2 Đặc biệt nguy hiểm phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp

Do thuốc bao gồm thành phần hữu cơ dễ cháy, đám cháy sinh ra khói đen chứa hơi độc (xem mục 10).

Tiếp xúc với các sản phẩm bị phân hủy này có thể nguy hại đến sức khỏe.

5.3 Tư vấn cho nhân viên cứu hỏa

Mang đầy đủ quần áo bảo hộ kín và dụng cụ thở.

MỤC 6. BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và thủ tục khẩn cấp

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

Tránh sự hình thành bụi khí.

6.2. Ngăn ngừa về môi trường

Ngăn chặn sự rò rỉ tiếp tục hoặc bị đổ nếu an toàn để ngăn chặn.

Không đổ thuốc vào hệ thống nước mặt hoặc cống rãnh

6.3. Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Ngăn chặn sự đổ thuốc và thu gom bằng vật liệu thấm hút không cháy (cát, đất, đất sét, đất khoáng) và cho vào thùng chứa để hủy theo quy định (xem mục 13).

Nếu thuốc bị chảy ra sông, hồ hoặc ruộng nước phải thông báo với chính quyền sở tại.

6.4. Tham khảo cho các phần khác

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

Hãy tham khảo việc xem xét xử lý được liệt kê trong mục 13.

MỤC 7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

7.1 Phòng ngừa để xử lý an toàn

Không có biện pháp bảo vệ chống cháy đặc biệt cần thiết.

Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Khi sử dụng không ăn, uống hoặc hút thuốc.

Để bảo vệ cá nhân, xem mục 8.

7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm các điều kiện không tương thích

Không có điều kiện bảo quản đặc biệt.

Giữ các thùng chứa đầy kín ở một nơi khô ráo, mát, thông thoáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Giữ xa nguồn thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho gia súc.

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013

**7.3. Kết thúc sử dụng**

Đăng ký sản phẩm bảo vệ cây trồng: Để sử dụng hợp lý và an toàn sản phẩm, xin vui lòng tham khảo các điều kiện phê duyệt trên nhãn hiệu sản phẩm.

MỤC 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN**8.1 Kiểm soát các thông số**

Thành phần	Giới hạn phơi nhiễm	Loại giới hạn phơi nhiễm	Nguồn
propiconazole	8 mg/m ³	8 h TWA	Syngenta
difenoconazole	8 mg/m ³	8 h TWA	Syngenta

Các khuyến nghị sau đây để kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân dành cho sản xuất, phối trộn và đóng gói của sản phẩm.

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp kỹ thuật : Việc ngăn chặn và/hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ được sự phơi nhiễm. Việc kéo dài những biện pháp bảo vệ này phụ thuộc vào mỗi nguy thực sự trong quá trình sử dụng. Nếu sương hoặc hơi thuốc bay ra, sử dụng điều khiển thông khí riêng.

Đánh giá sự phơi nhiễm và sử dụng bất cứ biện pháp phụ trợ nào để giữ mức hơi sương dưới mức phơi nhiễm tương ứng. Khi cần thiết, tìm thêm thông tin về bảo vệ vệ sinh nghề nghiệp

Biện pháp bảo vệ : Việc dùng các biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn so với việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Khi lựa chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân, nên tìm lời khuyên chuyên nghiệp phù hợp. Phương tiện bảo vệ cá nhân nên được xác nhận theo tiêu chuẩn phù hợp

Bảo vệ cơ quan hô hấp : Một sự kết hợp của các mặt nạ phòng độc sử dụng cho khí, hơi và hạt hóa chất có thể là cần thiết cho đến khi các biện pháp kỹ thuật hiệu quả được thực hiện.

Mặt nạ bảo hộ làm sạch không khí bị hạn chế.

Sử dụng máy hô hấp khép kín trong các trường hợp sự cố tràn khẩn cấp, khi mức độ phơi nhiễm là không rõ, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào mà mặt nạ lọc khí không có thể cung cấp sự bảo vệ đầy đủ.

Bảo vệ tay : Không yêu cầu sử dụng găng tay chống hoá chất. Chọn găng tay dựa vào yêu cầu công việc cơ học

Bảo vệ mắt : khi sử dụng hóa chất để an toàn cho mắt nên đeo kính bảo hộ.

Bảo vệ da và cơ thể : Không yêu cầu thiết bị bảo vệ đặc biệt. Chọn đồ bảo vệ dựa vào tính chất cơ học của công việc

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013

MỤC 9. TÍNH CHẤT HOÁ LÝ**9.1. Thông tin về đặc tính vật lý và hóa học cơ bản**

Tình trạng vật lý	: chất lỏng
Dạng	: lỏng
Màu sắc	: màu vàng đến nâu sẫm
Mùi	: không có dữ liệu
pH	: 4-8 tại 1% w/v
Điểm nóng chảy/khoảng	: <-10°C
Điểm sôi/sôi khoảng	: >220°C.
Điểm cháy	: 71°C ở 757 mmHg Pensky – Martens cc.
Tỷ lệ bay hơi	: không có dữ liệu.
Tính dễ cháy (rắn/khí)	: không có dữ liệu.
Thấp hơn giới hạn nổ	: không có dữ liệu.
Cao hơn giới hạn nổ	: không có dữ liệu.
Áp suất hơi	: không có dữ liệu.
Mật độ hơi tương đối	: không có dữ liệu.
Tỷ trọng	: 1.08 g/cm ³ ở 20°C .
Độ tan trong các dung môi khác	: không có dữ liệu.
Hệ phân số	: không có dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy	: 465°C.
Tự phân hủy	: không có dữ liệu.
Độ nhớt, năng động	: 14.7 mPa.s ở 40°C. 37.1 mPa.s ở 20°C.
Độ nhớt, động học	: Không có thông tin có sẵn.
Tính nổ	: Không nổ
Tính oxy hóa	: không oxy hóa

9.2. Các thông tin khác

Hòa trộn	: có thể phối trộn
Sức căng bề mặt	: 37.0 mN/m ở 25°C

MỤC 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG**10.1. Tính phản ứng**

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013

Không có thông tin có sẵn.

10.2. Tính ổn định hóa chất

Không có thông tin có sẵn.

10.3. Phản ứng nguy hại

Chưa biết đến.

Phản ứng trùng hợp không xảy ra.

10.4. Điều kiện để tránh

Không có thông tin có sẵn.

10.5. Vật liệu không tương thích

Không có thông tin có sẵn.

10.6. Sản phẩm phân hủy độc hại

Đốt cháy hoặc phân hủy bằng nhiệt sẽ tạo ra khí độc và dị ứng.

PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI

11.1. Thông tin về tác dụng độc tính

Độc cấp tính qua đường miệng	: LD50 chuột đực và cái >2,000 mg/kg
Độc cấp tính qua đường hô hấp	: Kích ứng cho đường hô hấp Có nguồn gốc từ các thành phần.
Nhiễm độc cấp tính qua da	: LD50 chuột đực và cái > 2,000 mg/kg
Ăn mòn da/dị ứng	: Thỏ: không kích ứng
Tổn thương mắt/ kích ứng mắt	: Thỏ: hơi kích ứng
Hô hấp hoặc da nhạy cảm	: Chuột lang: không kích ứng da trong các thử nghiệm trên động vật.
Tế bào mầm đột biến	
Propiconazole	: không hiển thị các hiệu ứng gây đột biến trong các thí nghiệm động vật.
Difenoconazole	: không hiển thị các hiệu ứng gây đột biến trong các thí nghiệm động vật.
Gây ung thư	
Propiconazole	: không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư trong các thí nghiệm động vật.
Difenoconazole	: không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư trong các thí nghiệm động vật.
Độc tính sinh sản	

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013



Propiconazole	: không hiển thị các hiệu ứng gây độc tính sinh sản trong các thí nghiệm động vật.
Difenoconazole	: không hiển thị các hiệu ứng gây độc tính sinh sản trong các thí nghiệm động vật.
STOT – phơi nhiễm một lần	
2-methylpropan-1-ol	: có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
STOT – phơi nhiễm nhiều lần	
Propiconazole	: không có tác dụng phụ được ghi nhận trong các thử nghiệm mãn tính độc tính.
Difenoconazole	: không có tác dụng phụ được ghi nhận trong các thử nghiệm mãn tính độc tính.
2-methylpropan-1-ol	: không có tác dụng phụ được ghi nhận trong các thử nghiệm mãn tính độc tính.

MỤC 12. THÔNG TIN SINH THÁI

12.1. Độc tính

Độc tính đối với cá	: LC50 <i>Oncorhynchus mykiss</i> (cá hồi), 4.7 mg/l trong 96h.
Độc tính đối với động vật thủy sinh	: EC50 <i>Daphnia magna</i> Straus, 2.7mg / l, 48 h
Độc tính đối với cây thủy sinh	: EbC <i>Desmodesmus subspicatus</i> (tảo lục), 0.23 mg/l, 72h.

12.2. Sự tồn tại và phân hủy

Phân hủy Sinh học	
Propiconazole	: không dễ phân hủy.
Tính ổn định trong nước	
Propiconazole	Nửa chu kì phân hủy là: 28-64d Bền trong nước.
Difenoconazole	Nửa chu kì phân hủy là: 1d Không bền trong nước.
Tính ổn định trong đất	
Propiconazole	Nửa chu kì phân hủy là: 66 – 170d Không bền trong đất.
Difenoconazole	Nửa chu kì phân hủy là: 149 – 187d Không bền trong đất.

12.3. Sự tích tụ sinh học

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013

Propiconazole	:	
Difenoconazole	:	tích lũy sinh học cao
12.4. Tính di động trong đất		
Propiconazole	:	có tính di động từ thấp đến trung bình trong đất
Difenoconazole	:	có tính di động thấp trong đất.
12.5. Kết quả đánh giá PBT và vPvB		
Propiconazole	:	Chất này không được xem là bền, cũng không tích tụ chất độc hại (PBT). Chất này không bền và tích tụ độc hại (VPvB).
Difenoconazole	:	Chất này không được xem là bền, cũng không tích tụ chất độc hại (PBT). Chất này không bền và tích tụ độc hại (VPvB).
12.6. Các tác dụng phụ		Chưa biết

MỤC 13. PHÂN HỦY**13.1. Phương pháp xử lý chất thải**

Sản phẩm	:	Không gây ô nhiễm ao hồ, sông ngòi, ruộng với hóa chất hoặc vật chứa đã sử dụng. Không bỏ chất thải vào cống rãnh. Ưu tiên tái chế nếu có thể hơn là đem hủy hoặc đốt. Nếu không thể tái chế thì xử lý theo quy định của địa phương.
Bao bì bị ô nhiễm	:	Làm sạch thuốc còn lại trong bao bì. Rửa ba lần đối với vật chứa. Vật chứa nên được đưa đến những nơi có chức năng tái chế hoặc xử lý chất thải. Không tái sử dụng vật chứa được làm sạch.

MỤC 14. THÔNG TIN VẬN TẢI**Vận tải đường bộ (ADR / RID)**

14.1. Số UN	:	UN 3082
14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất	:	CHẤT GÂY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, KHÔNG TÊN GỌI KHÁC (Difenoconazole and Propiconazole)
14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es)	:	9
14.4. Nhóm đóng gói	:	III

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013

Nhãn	:	9
14.5. Tác động môi trường	:	độc hại môi trường

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1. Số UN	:	UN 3082
14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất	:	CHẤT GÂY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, KHÔNG TÊN GỌI KHÁC (Difenoconazole and Propiconazole)
14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es)	:	9
14.4. Nhóm đóng gói	:	III
Nhãn	:	9
14.5. Tác động môi trường	:	gây ô nhiễm biển

Vận tải hàng không (IATA DGR)

14.1. Số UN	:	UN 3082
14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất	:	CHẤT GÂY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, KHÔNG TÊN GỌI KHÁC (Difenoconazole and Propiconazole)
14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es)	:	9
14.4. Nhóm đóng gói	:	III
Nhãn	:	9
14.5. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:	:	không có
14.6. Giao thông vận tải số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC:	:	không áp dụng

MỤC 15. THÔNG TIN PHÁP LÝ

- 15.1. Quy định / pháp luật cụ thể về an toàn, sức khỏe và môi trường cho các chất hoặc hỗn hợp**
- GHS-ghi nhãn
 - Biểu tượng cảnh báo

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013



Tín hiệu từ : Cảnh báo

Cảnh báo mối nguy hiểm

H304	Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp.
H316	Gây dị ứng da nhẹ
H319	Gây dị ứng mắt nghiêm trọng.
H335	gây kích ứng đường hô hấp
H410	Độc hại cho đời sống thủy sinh với các ảnh hưởng lâu dài.

Cảnh báo đề phòng

: P102	Tránh xa khỏi tầm với của trẻ em.
P270	Không ăn, uống hay hút thuốc khi sử dụng sản phẩm
P280	Mặc quần áo và mang găng tay bảo hộ.
P301+310	NẾU DÍNH NUỐT PHẢI: ngay lập tức gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ/dược sĩ.
P304+340	Nếu hít phải: chuyển nạn nhân ra không khí trong lành và giữ nghỉ ngơi trong tư thế thoải mái để thở.
P331	Không ép nôn.
P305+351+P338	Nếu dính vào mắt: thận trọng rửa sạch với nước trong nhiều phút. Loại bỏ kính áp tròng nếu được. Tiếp tục rửa.
P391	Thu dọn khi chảy tràn.
P501	Vứt bỏ các thùng chứa chất thải đã được phê duyệt xử lý nhà máy.

Bổ sung thông tin : EUH401 Để tránh rủi ro cho sức khỏe con người và môi trường, cần thực hiện theo các hướng dẫn để sử dụng.

Ghi chú : Phân loại sử dụng tất cả các lớp nguy hiểm GHS và chuyên mục. Trường hợp GHS chứa các tùy chọn, tùy chọn bảo thủ nhất được chọn. Triển khai thực hiện khu vực hoặc quốc gia của GHS có thể không thực hiện tất cả loại nguy hiểm và chuyên mục.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn: • Dung môi dầu mỏ (xăng ,dầu), arom cao.

15.2. Đánh giá an toàn hóa chất

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013

Đánh giá An toàn hóa chất không cần thiết cho chất này.

MỤC 16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin

Văn bản đầy đủ của nhóm từ R được gọi theo các mục 2 và 3:

- R10 dễ cháy
- R22 Có hại khi nuốt phải.
- R37/38 dị ứng cho hệ hô hấp và da.
- R38 Kích ứng da.
- R41 Gây tổn hại nghiêm trọng cho mắt.
- R43 Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với da
- R50/53 Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ảnh hưởng lâu dài trong môi trường nước.
- R51/53 Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ảnh hưởng lâu dài trong môi trường nước.
- R65 Hại: có hại cho phổi nếu nuốt phải.
- R66 Tiếp xúc lâu dài gây khô và nứt da.
- R67 hơi thuốc có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

Văn bản đầy đủ của cụm từ - H theo mục 2 và 3.

- H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.
- H302 độc nếu nuốt phải.
- H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp.
- H315 Gây dị ứng da.
- H318 Nguyên nhân gây ra tổn thương mắt.
- H319 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
- H335 Gây kích ứng đường hô hấp.
- H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
- H400 Rất độc hại đối với đời sống thủy sinh.
- H410 Rất độc cho đời sống thủy sinh với các hậu quả lâu dài.
- H411 Rất độc cho đời sống thủy sinh với các hậu quả lâu dài.

Các thông tin được cung cấp trên Bảng dữ liệu an toàn là chính xác tốt nhất của thông tin, kiến thức của chúng tôi và niềm tin ở ngày đăng Công báo. Các thông tin cung cấp được thiết kế chỉ như là một hướng dẫn để xử lý an toàn, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, xử lý, phát hành và không được xem xét bảo hành chất lượng đặc điểm kỹ thuật. Thông tin chỉ liên quan đến vật chất cụ thể và có thể không có giá trị vật, được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quá trình, trừ trường hợp quy định tại văn bản.

THÔNG TIN AN TOÀN SẢN PHẨM

TILT SUPER 300EC

Phiên bản 6

Ngày cập nhật: 19.09.2013



Thay đổi kể từ khi phiên bản cuối cùng được đánh dấu ở bên lề. Phiên bản này thay thế tất cả các phiên bản trước đó.

Tên sản phẩm là một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty Tập đoàn Syngenta.
